

MỤC ĐÍCH CỦA GIÁO DỤC NGOẠI NGỮ TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP

• PGS.TS. BÙI HIẾN

Trong sự nghiệp giáo dục ngoại ngữ (GDNN), vấn đề chất lượng và hiệu quả của việc dạy-học luôn luôn được các nhà quản lí và sư phạm đặt lên hàng đầu để tìm tòi các biện pháp đảm bảo hữu hiệu nhất. Thế nhưng cho tới nay vẫn chưa có được tiếng nói chung trong giới khoa học, chưa đạt được sự nhất trí cao về các giải pháp cơ bản cần thiết nhất, bởi lẽ quan điểm và phương pháp tiếp cận của các nhà khoa học, của các trường phái giáo học pháp ngoại ngữ còn có nhiều điểm khác biệt nhau rất đáng kể, đặc biệt là về mục đích, yêu cầu GDNN. Bởi vậy, những đề xuất quan niệm của chúng tôi cũng chỉ là một trong nhiều cách lí giải về một số vấn đề chung nhất mà chúng tôi đã từng thử nghiệm và đúc rút ra từ thực tiễn GDNN ở Việt Nam.

Trước hết, cần phân biệt ngoại ngữ với nội ngữ. Ngày nay mọi quốc gia trên thế giới đều đang dùng một vài ngôn ngữ của quốc gia khác làm công cụ để hỗ trợ cho các hoạt động giao lưu kinh tế, chính trị, ngoại giao... của mình với thế giới. Ở đây bất cứ ngoại ngữ nào, dù có quan trọng đến đâu, cũng không bao giờ có vị trí, chức năng tương đương với tiếng quốc gia chính thức hay quốc ngữ của nước mình. Nó có thể được quy định bắt buộc phải dạy như một bộ môn văn hoá trong nhà trường, nhưng nó không bao giờ được phép thay thế ngôn ngữ quốc gia chính thức đối với toàn dân. Còn một thứ ngôn ngữ ngoại lai nào đó đã được nội địa hoá để trở thành công cụ giao tiếp chung cho cả nước, trước hết là tại công sở, ở một số nước như Ấn Độ, Xin-ga-po, thậm chí trở thành quốc ngữ như ở Ni-giê-ri-a hay An-gô-la, do các yếu tố lịch sử, dân tộc, chính trị, văn hoá, xã hội quyết định. Đó chính là nội ngữ mà một số người vẫn tưởng nhầm là ngoại ngữ. Nếu phân biệt rõ như vậy chúng ta sẽ có cách nhìn nhận, đánh giá không khác nhau lắm về chất lượng GDNN của Việt Nam so với các nước.

Trên cơ sở quan niệm thống nhất ấy, các nhà quản lí GD, các nhà sư phạm ngoại ngữ cần quan tâm làm rõ những tác động và ảnh hưởng của các yếu tố tạo nên chất lượng và hiệu quả của hoạt động GDNN như: vị trí chức năng của môn ngoại ngữ trong nhà trường, mục đích cơ bản, mục tiêu và yêu cầu cụ thể về nội dung GD cho từng đối tượng trong từng giai đoạn, vai trò của người quản lí, đội ngũ giáo viên, vị trí của học sinh và các điều kiện cần thiết, v.v... Trước tiên chúng tôi muốn đề cập đến hai vấn đề then chốt nhất là vị trí, chức năng và mục đích, yêu cầu của GDNN.

I. Vị trí và chức năng bộ môn ngoại ngữ trong nhà trường

Ngay từ khi ra đời nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Chính phủ và Bộ GD đã khẳng định vị trí quan trọng của ngoại ngữ trong chương trình GD của nhà trường Việt Nam. Tại buổi lễ khai giảng trường ĐHQG Việt Nam ngày 15-11-1945, với sự có mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh, GS. Nguyễn Văn Huyền, Giám đốc Đại học vụ, đã tuyên bố: "Thêm nữa, vì nhận xét rằng trong thế giới đại đồng ngày nay không một nước nào dẫu lớn hay nhỏ, là có thể sống tách biệt được, nên trường đại học sẽ chú trọng đặc biệt ngay trong niên khoá 1945-1946 tới những sinh ngữ có quan trọng cho văn hoá, như tiếng Trung Hoa, tiếng Anh-Mĩ, tiếng Nga" (Nhân dân, 31-12-2001). Tiếp đó trong các chỉ thị, quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành vào những năm 1968, 1972 và 1994 về ngoại ngữ đều khẳng định vị trí của ngoại ngữ là một bộ môn văn hoá cơ bản trong chương trình GD của cả cấp phổ thông và đại học với chức năng bao trùm là góp phần GD toàn diện cho học sinh (HS). Đi sâu vào chi tiết có thể nêu ra các chức năng cụ thể như :

1/. Ngoại ngữ làm công cụ giúp cho người đã học giao tiếp được với người bản ngữ và người nước ngoài khác biết ngoại ngữ đó.



2/. Ngoại ngữ có khả năng góp phần GD nhân cách rất quan trọng và khá toàn diện, khi nó được đưa vào dạy học trong nhà trường của một nước.

3/. Ngoại ngữ dùng làm phương tiện giúp cho người học có thể hoàn thiện thêm tiếng mẹ đẻ và nâng cao một phần khả năng tư duy ngôn ngữ.

4/. Ngoại ngữ là kho chứa mọi giá trị văn hoá, đồng thời là công cụ chuyển tải các thông tin trên mọi lĩnh vực của quốc gia sản sinh ra ngoại ngữ đó hoặc của một vài quốc gia sử dụng ngoại ngữ ấy đến người học, người dùng, do đó nó cũng có thể vừa làm phong phú vốn tri thức cho người học, vừa làm cho họ bị lai căng về ngôn ngữ, phong cách, tư duy và lối sống.

5/. Ngoại ngữ là công cụ tuyên truyền, cổ vũ, tác động từ nước ngoài đến người học theo các định hướng giá trị vật chất và tinh thần của nước đó, khi ngoại ngữ nằm trong tay chính những người bản ngữ dùng nó để truyền bá các giá trị tư tưởng, văn hoá nhằm đạt được các mục đích chính trị của họ.

6/. Ngoại ngữ có khả năng trở thành phương tiện hữu hiệu dung nạp một phần giá trị văn hoá bản địa của quốc gia người học nó để chuyển lại cho chính dân tộc sản sinh ra ngoại ngữ đó và những người nước ngoài khác.

Tất cả các chức năng này mặc nhiên luôn luôn thể hiện ra trong thực tiễn hoạt động, chỉ có điều là mỗi một chức năng sẽ được phát huy tác dụng mạnh hay yếu tùy thuộc vào chính sách, mục đích, yêu cầu và phương thức sử dụng ngoại ngữ ấy của mỗi nước, mỗi cộng đồng và mỗi cá nhân.

Nói chung trên thế giới cũng như ở Việt Nam, các ngoại ngữ được lựa chọn để đưa vào chương trình GD đều là những ngôn ngữ quốc tế thuộc các nền văn hoá lớn và tiên tiến hàng đầu như: tiếng Anh, Pháp, Nga, Hoa, Đức, Nhật, Tây Ban Nha... Song việc ưu tiên lựa chọn một vài ngoại ngữ cụ thể nào là tùy thuộc vào mục đích, yêu cầu chiến lược chung của mỗi quốc gia dựa trên cơ sở cân nhắc các nhân tố chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hoá, khoa học có ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của dân tộc mình. Tuy nhiên đôi khi người ta cũng quá lệ

thuộc vào một vài yếu tố có tác động mạnh mẽ nhất thời trong một giai đoạn nào đó mà quyết định lựa chọn ngoại ngữ này, loại bỏ ngoại ngữ kia. Chỉ khi nào vị trí của từng ngoại ngữ được xác định chính xác, lâu bền, ổn định thì việc nói đến chất lượng và hiệu quả GDNN nói chung và từng thứ tiếng nói riêng mới có cơ sở thực tế và khoa học vững chắc, bởi lẽ không một HS nào học một ngoại ngữ có kết quả khi thấy nó không có vị trí gì trong chương trình GD của nhà trường. Cho nên có thể khẳng định chắc chắn rằng vị trí, vai trò của mỗi ngoại ngữ trong chương trình GD là nhân tố đầu tiên có ảnh hưởng quyết định đối với chất lượng và hiệu quả dạy học của bộ môn.

Dựa trên chủ trương còn nguyên giá trị pháp lí nêu trong Chỉ thị 43/TTg (1968), Quyết định 251/TTg (1972) và Chỉ thị 422/TTg (1994) của Thủ tướng Chính phủ là dạy-học phổ biến cả 4 ngoại ngữ trong nhà trường, trong đó tiếng Anh chiếm vị trí ưu tiên, còn tiếng Nga, Pháp, Hán phát triển ngang nhau tùy theo nhu cầu và điều kiện của địa phương, chúng ta cần lần lượt xem xét, đánh giá tác động cụ thể của các nhân tố đã kể trên đối với chất lượng và hiệu quả của quá trình GDNN.

II. Mục đích, mục tiêu, yêu cầu đối với người học ngoại ngữ

Đây là nhân tố quyết định trực tiếp tác động đến chất lượng, hiệu quả của công tác GDNN, bởi vì mục đích, mục tiêu, yêu cầu là chỉ số đầu ra của sản phẩm GD thể hiện bằng phẩm chất và năng lực, kiến thức và kĩ năng ngoại ngữ của HS, nên nó bắt buộc người dạy và người học phải luôn luôn bám sát để thực hiện. Cần phải thấy rằng mục đích, mục tiêu, yêu cầu đối với người học có thể trùng và cũng có thể khác với mục đích, mục tiêu, yêu cầu của người dạy và người sử dụng số vốn ngoại ngữ đó của HS. Chẳng hạn, người dạy nhằm mục đích trang bị ngoại ngữ cho người đi du học, nhưng người học lại muốn nắm được ngoại ngữ để làm hướng dẫn viên du lịch trong nước, thì rõ ràng các yêu cầu về kiến thức văn hoá đất nước học, về kĩ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ của hai bên không thể nào ăn khớp nhau được, và do có sự co kéo theo định hướng chất lượng của mỗi bên nên không

thể đạt được kết quả chung như mong muốn của từng bên. Bởi một lẽ rất đơn giản và rất khoa học là theo như định nghĩa khái quát của hội nghị các bộ trưởng GD của các nước Đông Nam Á SEAMEO năm 2002 thì “Chất lượng là sự phù hợp với mục tiêu”, nên không thể có chất lượng như nhau, khi mục tiêu, yêu cầu đối với người dạy, người học và người sử dụng lại khác nhau.

Thông thường không mấy ai có đủ năng lực thực tế và có nhu cầu cần thiết nắm vững thật sự hoàn hảo về mọi phương diện để thực hiện toàn bộ các chức năng vốn có của ngoại ngữ trong cuộc sống của mình. Cho nên cả nhà nước, người dạy, người học lẫn người sử dụng luôn cần phải xác định cho mình những mục đích, mục tiêu, yêu cầu cụ thể, hạn chế, phù hợp với nhu cầu, điều kiện vật chất, thời gian đào tạo có hạn của mình. Nếu người dạy, người học và người sử dụng không thống nhất xác định dứt khoát được ngay từ đầu mục đích dạy-học ngoại ngữ để làm gì, và yêu cầu cụ thể đến đâu ở những chức năng cơ bản nào của ngoại ngữ, thì có thể nói rằng họ đều bắn tên không có đích.

Dựa trên kinh nghiệm thực tế và những quan sát cụ thể qua các hoạt động dạy-học ngoại ngữ trong nước và trên thế giới, có thể phân tích thấy có hai loại mục đích, mục tiêu chủ yếu, phổ quát của GDNN như sau:

1. Mục đích hướng ngoại

Thông thường xưa nay người ta đều quan niệm rằng nắm ngoại ngữ là để giao tiếp với người nước ngoài, để tiếp thu những tinh hoa văn hoá vật chất và tinh thần của nước ngoài về phục vụ cho đất nước và bản thân. Ngày nay nhiều người còn nhấn mạnh thêm rằng để phục vụ công cuộc hội nhập kinh tế cần phải coi việc đi học và đi làm ở nước ngoài là mục đích chủ yếu của dạy học ngoại ngữ, vì đây là thời cơ rất lớn chưa từng có đối với đất nước và mọi người. Tất cả những mục đích thực tế đó đều có yêu cầu chủ yếu là phải nghe tốt, đọc tốt để tiếp thu, lĩnh hội thông tin qua lời giảng, lời chỉ bảo, qua sách báo và các phương tiện thông tin đại chúng nước ngoài (đài phát thanh, truyền hình). Còn yêu cầu về nói chỉ cần mức độ nào thôi, miễn là có được khả năng phản ứng, đáp lại lời nói của thầy, của chủ, của khách nước ngoài là đủ. Đó là những

yêu cầu chủ yếu trong mục đích GDNN hướng ngoại. Song tất cả đều phải chỉ có thế. Người nước ngoài dạy tiếng nước ngoài cho HS, sinh viên chúng ta tại Việt Nam hay ở nước ngoài khác đều luôn luôn đòi hỏi trình độ ngoại ngữ của HS phải đảm bảo ngang bằng và liên thông với trình độ ngoại ngữ quốc tế, phải lấy chuẩn mực ngoại ngữ quốc tế làm thước đo đối với chất lượng GDNN của các nước. Các chuẩn chất lượng ngoại ngữ quốc tế của Anh-Mĩ và châu Âu như TOEFL... đều lấy kĩ năng thụ động (nghe và đọc) làm căn cứ đánh giá chủ yếu và tuyệt đối đều phải thông qua các tài liệu có nội dung văn hoá, đất nước học của Bắc Mỹ. Ngoài ra, còn một điều tối quan trọng khác là trong thực tế cái chuẩn mực quốc tế ấy ngầm bao hàm mục đích loại trừ trên thực tế nội dung GD phẩm chất, đạo đức cho HS trong việc hình thành nhân cách xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đơn giản chỉ là vì nó không phù hợp với mục đích và yêu cầu của nước ngoài. Cứ thử đến các trung tâm ngoại ngữ do nước ngoài bảo trợ hoặc các hội thảo về du học của các trường đại học trên thế giới mở ra thường xuyên, liên tục tại các thành phố trong nước Việt Nam và cả trên Internet nữa xem họ muốn gì và yêu cầu gì. Họ muốn giúp những thanh niên giỏi nhất, ngưỡng mộ họ nhất đạt được nguyện vọng xuất ngoại, kể cả bằng việc cấp học bổng, song lại chỉ yêu cầu các em nghe tốt, đọc hiểu tốt theo tiêu chuẩn ngoại ngữ quốc tế là được, còn về nhân cách thì chỉ nhấn mạnh yêu cầu tự chủ, cần cù và tự do cá nhân, đồng thời không được tự do làm chính trị, mà thực chất chỉ là không được làm chính trị cộng sản, còn thì tha hồ tự do mà học, mà làm chính trị đa đảng, đa nguyên, nhân quyền kiểu tư sản phương Tây. Mỗi năm họ tuyển hàng nghìn sinh viên giỏi của Việt Nam đi du học không phải là để đào tạo nhân tài cho Việt Nam, mà là để tạo ra đội ngũ cán bộ kĩ thuật cao cấp lành nghề, có kiểu tư duy và lối sống giống như họ nhằm mục đích cung cấp nguồn nhân lực cho các cơ sở sản xuất của họ tại Việt Nam hoặc các nước ngoài khác, và còn nhằm những ý đồ sâu xa hơn nữa. Thử ngẫm, liệu cái vốn chất xám quý giá mà ta chăm sóc, tích góp từ bé đến lớn cho con em bây giờ chuyển giao cho họ tiếp tục nuôi dưỡng, dạy bảo



ấy sẽ có được bao nhiêu phần trăm trở về Tổ quốc, và ngay trong số trở về ấy có được bao nhiêu người sẽ thực sự phụng sự đất nước, còn bao nhiêu phần trăm lại chỉ là những nhân tố làm tăng lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp nước ngoài với các doanh nghiệp của ta, kể cả quốc doanh lẫn dân doanh, ngay trên đất Việt Nam, nếu ta không coi trọng các mục đích GD và giáo dỡng con em mình theo định hướng lí tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Việt Nam? Bài tính thu hút chất xám của các cường quốc kinh tế Âu-Mĩ và bài học chảy máu chất xám của các nước đang phát triển hẳn là có liên hệ trực tiếp đến các mục đích và yêu cầu GDNN của họ ở mọi nơi, mọi nước. Vì thế mọi trung tâm ngoại ngữ và chuyên gia ngoại ngữ của bất luận nước ngoài nào cũng chỉ chuyên tâm thực hiện một mục đích cuối cùng là sinh lợi cho họ mà thôi, kể cả khi họ khuyến học bằng học bổng hoặc bằng viện trợ. Vả lại ta cũng nên thử tính thêm xem có bao nhiêu người Việt Nam đi học và làm việc ở nước ngoài. Theo số liệu báo chí, hàng năm có hàng nghìn sinh viên và hàng chục vạn lao động đi ra nước ngoài học tập và làm ăn. Tuy vậy đó cũng chỉ là một tỉ lệ rất nhỏ so với tổng số HS, sinh viên và thanh niên lao động ở nước ta. Cho dù có tăng tốc xuất ngoại vượt bậc lên gấp 4- 5 lần hiện tại chẳng nữa, thì tỉ trọng cũng không thể đạt tới 10%, nên không thể lấy mục đích hướng ngoại cho thiếu số này áp đặt cho đại đa số người học khác được.

Vậy thì GDNN hướng ngoại không phải là mục đích duy nhất, thậm chí không phải là mục đích chủ yếu của nhà trường Việt Nam trong giai đoạn hội nhập hiện nay. Chúng ta cần phải đặc biệt chú trọng GD những mặt khác trong các chức năng của ngoại ngữ, nhất là phần GD nhân cách con người Việt Nam theo tinh thần luôn luôn kiên định lí tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, để tạo cho người học có đủ bản lĩnh và tri thức lựa chọn đúng những điều hay, cái tốt của nước ngoài thực sự phù hợp với Việt Nam, đồng thời giúp họ tránh cho được các hiện tượng mất gốc, lai căng, sùng ngoại, phù ngoại, thậm chí cả thái độ coi thường, quay lưng lại với nhân dân lao động, với dân tộc mình.

2. Mục đích hướng nội

GDNN hướng nội là nhằm mục đích tạo cho người Việt Nam luôn luôn đứng ở vị thế chủ nhân mà dùng ngoại ngữ để giao tiếp với người nước ngoài, để tích cực lựa chọn, thu lượm các thông tin có ích cho đất nước và bản thân mình qua việc đọc sách báo nước ngoài, nghe phát thanh, truyền hình nước ngoài ở ngay trong nước mình, và nhất là nhằm mục đích chủ động dùng tiếng nước ngoài để quảng bá hình ảnh đất nước, con người, sản vật độc đáo của các dân tộc Việt Nam với người nước ngoài, để trình bày, giải thích, thuyết phục, lôi kéo bạn bè quốc tế đến giao lưu hữu nghị, làm ăn với chúng ta. Ngoài ra, còn cần phải biết dùng ngoại ngữ để đấu tranh vạch trần những âm mưu chống phá Việt Nam, để tập hợp bạn bè quốc tế đồng tình, ủng hộ và bảo vệ những quyền lợi hợp pháp, chính đáng của Việt Nam trên trường quốc tế và trong WTO. Những mục đích GDNN hướng nội như vậy đương nhiên yêu cầu phải có đủ các loại yêu cầu trình độ sử dụng ngoại ngữ của tất cả các tầng lớp xã hội dưới nhiều hình thức phong phú và đa dạng hơn nhiều so với mục đích hướng ngoại của một số ít người xuất ngoại.

Theo dự báo tới năm 2010 sẽ có khoảng 10 triệu khách quốc tế đến tham quan, du lịch, tìm hiểu đất nước, con người Việt Nam và đến làm ăn kinh doanh với chúng ta. Lúc đó sẽ có hàng chục triệu người dân được tiếp xúc với người nước ngoài và họ cần phải nói dăm ba câu bằng tiếng nước ngoài để giới thiệu về bản thân, về những danh lam thắng cảnh, những sản phẩm thủ công mỹ nghệ, những đặc sản quý hiếm của quê hương mình (dù chỉ bằng đôi câu tiếng nước ngoài ngượng nghịu mời bạn đi thăm Văn miếu-Quốc tử giám, đi xem mùa rổi nước, hay dự bữa cơm Việt Nam, mua chiếc áo dài phụ nữ cũng có thể gây được cảm tình với người nước ngoài rồi). Chưa kể là hàng nghìn hàng vạn giám đốc, hướng dẫn viên du lịch sẽ phải quảng bá, giới thiệu cho khách biết đầy đủ, chi tiết mọi điều, mọi giá trị văn hoá vật chất và tinh thần của đất nước con người Việt Nam, rồi còn phải biết dùng ngoại ngữ để làm cho thế giới hiểu rõ những mặt tốt, những thế mạnh của Việt Nam, cho họ biết rõ cơ hội làm ăn có lợi ở trên lãnh thổ của gần



100 triệu người dân cần cù, thông minh và mến khách, v.v... Đây là những yêu cầu bức thiết đặt ra đối với GDNN để chuẩn bị cho thế hệ thanh niên tham gia hội nhập quốc tế. Hội nhập ở ngay trong nước là chủ yếu, chứ không phải chỉ có đi ra nước ngoài. Thực tiễn cũng còn cho thấy rằng tuyệt đại bộ phận kĩ sư, công nhân Việt Nam làm việc tại cơ quan, doanh nghiệp nước ngoài hoặc trong các cơ sở liên doanh với nước ngoài trên đất Việt Nam, đều cần phải biết giải quyết các vấn đề thực tiễn khoa học, công nghệ, sản xuất... của Việt Nam ở trên mảnh đất Việt Nam trong khi tiếp xúc, làm việc với hàng vạn đối tác và chuyên gia nước ngoài. Ở đây họ đâu phải chỉ có lắng nghe những điều chỉ dẫn, tư vấn của chuyên gia nước ngoài, mà còn phải biết trình bày và thuyết phục họ bằng tiếng nước ngoài (kể cả qua phiên dịch) cho họ nắm bắt được thực tiễn, yêu cầu cụ thể của Việt Nam, thậm chí còn phải thảo luận, tranh luận thường xuyên với họ trên những vấn đề cụ thể xảy ra hàng ngày trong sản xuất, lao động và sinh hoạt để cùng nhau tìm ra những phương án giải quyết tối ưu, phù hợp nhất với hoàn cảnh Việt Nam. Ngoài ra cũng cần phải dùng ngoại ngữ để giới thiệu cho họ hiểu biết luật lệ, văn hoá, phong tục, tập quán của Việt Nam để cho họ có thể thông cảm, đồng cảm và thiện cảm với đất nước, con người Việt Nam, để tránh những xung đột không đáng có trong quan hệ với công nhân, cán bộ Việt Nam, từ đó sẽ làm cho sự hợp tác của ta với bạn bè quốc tế mang lại được hiệu quả cao nhất. Cái vốn kiến thức, các kĩ năng ngoại ngữ cần dùng cho mục đích và yêu cầu về những mặt này trong hội nhập quốc tế chỉ có thể thực hiện được thông qua hầu hết các chức năng của ngoại ngữ, đặc biệt là chức năng thứ 6, nghĩa là phải Việt hoá một phần ngoại ngữ cả về nội dung lẫn hình thức. Trong tất cả các ngoại ngữ vốn dĩ đều không có những từ ngữ chỉ các sản phẩm đặc trưng cho đất nước, con người, văn hoá, lối sống của Việt Nam, nên chúng ta phải tìm mọi cách thể hiện nó bằng tiếng nước ngoài, thậm chí phải phiên âm tạo ra từ mới trong ngoại ngữ như: nem, fo, nuocmam... Đó chính là nội địa hoá (Việt hoá) ngoại ngữ để phục vụ nhu cầu giao lưu kinh tế, văn hoá, khoa

học, thương mại, du lịch... của ta. Bài học đắt giá về tên gọi con cá ba sa của Việt Nam cho ta thấy sự thua thiệt trong việc doanh nhân Việt Nam đã ngây thơ lấy tên loài cá catfish của Mĩ gán cho con cá ba sa của Việt Nam để cho người Mĩ dễ hiểu, nên mới bị người Mĩ kiện ta bán phá giá catfish trong nước họ. Giá thứ người ta cứ dùng nguyên tên gọi cá ba sa (Việt hoá tiếng Anh bằng cách phiên âm thành basafish như hiện nay) thì người Mĩ không có cơ gì kiện ta, vì nước Mĩ làm gì có basafish mà nói ta phá giá để cạnh tranh với catfish của Mĩ. Tất cả những điều nói trên đều cho thấy mục đích hướng nội của GDNN có ý nghĩa to lớn thế nào đối với đất nước Việt Nam trong quá trình hội nhập WTO. Đó cũng chính là lí do khiến nền GD của ta phải đưa mục đích và yêu cầu hướng nội thành những quy định bắt buộc phổ biến trong dạy học ngoại ngữ nói chung và ở phổ thông nói riêng. Có làm được như vậy thì ngoại ngữ mới thực sự phục vụ hữu hiệu công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, mới giúp cho đất nước hội nhập kinh tế có hiệu quả mà vẫn giữ vững và đề cao được giá trị, bản sắc dân tộc, mới thực sự xác lập được vị trí bình đẳng trong cộng đồng quốc tế, chứ không để bị lấn át, hoà tan mất mình vào trong trào lưu toàn cầu hoá. Như vậy, thì rõ ràng là chất lượng GDNN theo mục đích hướng nội của Việt Nam không thể lấy chuẩn chất lượng quốc tế (thực chất là những chuẩn do chính các cường quốc phát triển quy định, nhưng lại muốn "quốc tế hoá nó" thành chuẩn mực chung nhằm phục vụ lợi ích riêng của họ) mà đo lường, đánh giá được, cho nên Việt Nam cũng như bất cứ quốc gia nào khác đều phải có bộ chuẩn đánh giá chất lượng riêng cho mình thì mới đo chính xác được những giá trị đích thực theo đúng mục đích, mục tiêu, yêu cầu của ngoại ngữ ở Việt Nam.

SUMMARY

The article discusses the purposes of teaching and learning foreign languages in the process of international integration. The author touches on such key issues as the position, functions, purposes and requirements of foreign languages education with a strong focus on the inward-looking purpose of foreign languages education.